

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 43



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Chương	Phó Chủ tịch	(Đến ngày 05 tháng 6 năm 2016)
	Thành viên	(Từ ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	
Ông Ngô Hữu Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Bà Đoàn Bích Hạnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hoàng Sơn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hồ Quốc Phi	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Hồ Chương	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2017)
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016)
Ông Hồ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016)
		(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2016)
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2016)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

0090  
CƠ T  
CH N  
HỆ T  
VIÊN  
011-96  
ĐNC T  
PIÁP  
I L N  
N A  
V=P



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

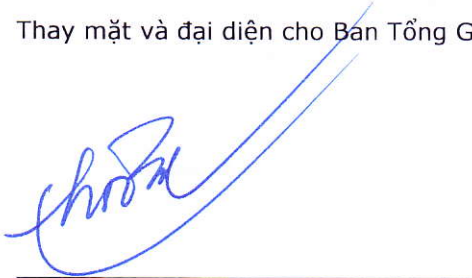
Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hồ Quốc Phi**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



**Hồ Huy**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
**Đại diện theo Pháp luật**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

500  
T  
H  
ITT  
NAM  
TP  
96  
T  
AI  
IN  
BA  
TP



Số: 719 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty liên kết của Công ty) với số tiền là 40.488.371.419 VND và chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với số tiền là 312.160.260.310 VND. Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu nêu trên và chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần với một cá nhân. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo này, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này. Công ty đã nhận được Thông báo số 114/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án liên quan đến tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện nêu trên. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**Nguyễn Anh Tuấn**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1472-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 3 năm 2017  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>435.839.106.467</b>	<b>497.051.332.185</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.375.449.851</b>	<b>8.420.521.065</b>
1. Tiền	111		4.375.449.851	8.420.521.065
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>42.000.000</b>	<b>42.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(304.000.000)	(304.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>427.178.055.319</b>	<b>483.467.451.145</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.396.690.826	39.015.084.211
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.517.653.722	3.331.971.945
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	16.650.000.000	22.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	406.281.622.566	456.138.306.784
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(37.667.911.795)	(37.667.911.795)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>870.505.567</b>	<b>1.426.133.308</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.010.079.704	1.426.133.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.574.137)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.373.095.730</b>	<b>3.695.226.667</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	2.923.095.731	3.695.226.667
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	449.999.999	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>766.003.528.489</b>	<b>774.853.094.489</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.409.326.400</b>	<b>50.189.142.400</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	48.215.000.000	48.215.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	3.194.326.400	1.974.142.400
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>229.361.573.219</b>	<b>270.820.016.162</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	211.922.340.161	259.011.935.030
- Nguyên giá	222		488.329.011.399	483.431.663.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(276.406.671.238)	(224.419.728.714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	17.439.233.058	11.808.081.132
- Nguyên giá	225		18.718.318.170	32.555.964.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.279.085.112)	(20.747.882.919)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		78.897.000	78.897.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.897.000)	(78.897.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>174.515.456.871</b>	<b>178.481.717.259</b>
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.797.562.329)	(19.831.301.941)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>292.164.337.029</b>	<b>251.964.337.029</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	6, 16	235.106.708.448	194.906.708.448
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6, 17	79.000.000.000	79.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	18.546.000.000	18.546.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(40.488.371.419)	(40.488.371.419)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.552.834.970</b>	<b>23.397.881.639</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	18.552.834.970	23.397.881.639
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.201.842.634.956</b>	<b>1.271.904.426.674</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>661.700.129.805</b>	<b>729.800.817.535</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>355.030.405.555</b>	<b>364.456.165.814</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	10.865.031.786	32.967.016.562
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.196.747.887	528.175.364
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	7.793.682.633	3.113.094.416
4. Phải trả người lao động	314		6.027.651.482	4.708.287.586
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	6.218.683.643	8.120.714.682
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		382.314.559	743.343.951
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	148.329.225.966	177.674.967.764
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	169.602.275.702	132.410.169.592
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.614.791.897	4.190.395.897
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>306.669.724.250</b>	<b>365.344.651.721</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	215.087.665.795	274.595.281.589
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	91.582.058.455	90.749.370.132
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>540.142.505.151</b>	<b>542.103.609.139</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>540.142.505.151</b>	<b>542.103.609.139</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.214.045.652	28.214.045.652
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.275.139.499	40.236.243.487
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		14.933.877.487	7.377.414.088
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		23.341.262.012	32.858.829.399
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.201.842.634.956</b>	<b>1.271.904.426.674</b>

  
Nguyễn Văn Nga  
Người lập biểu

  
Vũ Hoài Đức  
Phó Tổng Giám đốc/  
Kế toán trưởng

  
Hồ Quốc Phi  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>396.736.034.700</b>	<b>474.876.527.617</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>396.736.034.700</b>	<b>474.876.527.617</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	354.926.164.979	424.966.066.130
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>41.809.869.721</b>	<b>49.910.461.487</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	33.274.842.919	45.446.348.178
7. Chi phí tài chính	22	30	24.631.460.002	24.121.841.170
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.631.460.002	24.121.841.170
8. Chi phí bán hàng	25	31	7.959.935.556	7.830.117.673
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	34.850.075.130	33.425.301.593
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>7.643.241.952</b>	<b>29.979.549.229</b>
11. Thu nhập khác	31	33	22.260.405.417	16.698.237.794
12. Chi phí khác	32	34	6.562.385.357	7.002.755.878
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>15.698.020.060</b>	<b>9.695.481.916</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>23.341.262.012</b>	<b>39.675.031.145</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	-	2.179.373.388
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	4.636.828.358
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>23.341.262.012</b>	<b>32.858.829.399</b>

  
 Nguyễn Văn Nga  
 Người lập biểu

  
 Vũ Hoài Đức  
 Phó Tổng Giám đốc/  
 Kế toán trưởng

  
 Hồ Quốc Phi  
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>23.341.262.012</b>	<b>39.675.031.145</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	82.958.169.731	74.575.632.910
Các khoản dự phòng	03	139.574.137	2.131.326.052
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(43.320.839.727)	(54.194.284.247)
Chi phí lãi vay	06	24.631.460.002	24.121.841.170
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>87.749.626.155</b>	<b>86.309.547.030</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	14.038.478.339	(107.643.820.490)
Thay đổi hàng tồn kho	10	416.053.604	668.595.397
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(71.623.941.202)	50.347.452.054
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.617.177.605	2.803.526.691
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.027.381.163)	(23.790.259.074)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.379.373.388)	(3.691.713.257)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.195.304.000)	(280.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.595.335.950</b>	<b>4.722.528.351</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(53.674.921.274)	(61.879.276.368)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	28.107.978.286	53.942.680.382
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(40.200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	3.901.461.880
7. Tiền thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.065.798.983	8.440.500.216
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(38.701.144.005)</b>	<b>(6.594.633.890)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	236.844.059.584	208.052.793.083
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(190.145.098.509)	(185.868.440.810)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.674.166.642)	(23.211.956.799)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.964.057.592)	(19.913.555.775)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>28.060.736.841</b>	<b>(20.941.160.301)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(4.045.071.214)</b>	<b>(22.813.265.840)</b>
Tiền đầu năm	60	8.420.521.065	31.233.786.905
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.375.449.851	8.420.521.065

Nguyễn Văn Nga  
 Người lập biểu

Vũ Hoài Đức  
 Phó Tổng Giám đốc/  
 Kế toán trưởng

Hồ Quốc Phi  
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.442 (31 tháng 12 năm 2015: 1.733).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

250  
G-T  
M-HA  
HTE  
NA  
TP  
19  
T  
AI  
IN  
B  
P

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhượng Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	95%	95%	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
13	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
14	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	96%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
17	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty để có được các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Khác	03 - 05

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

	<b>Năm nay</b> (Số năm)
Phương tiện vận tải	06 - 09



**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí thuê nhãn hiệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trên thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

010  
C  
RÁC  
Đ  
V  
NG  
10  
C  
C  
AA  
H  
3A



### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **5. TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	94.158.831	51.716.316
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.281.291.020	8.368.804.749
	<b>4.375.449.851</b>	<b>8.420.521.065</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>				
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
<b>b1. Đầu tư vào công ty con</b>	<b>235.106.708.448</b>	-	<b>194.906.708.448</b>	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	16.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	20.028.413.448	-	20.028.413.448	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	10.400.000.000	-	10.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	17.116.295.000	-	11.116.295.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	5.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	32.366.000.000	-	20.366.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	6.800.000.000	-	3.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	8.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	25.463.000.000	-	25.463.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	38.733.000.000	-	38.733.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	10.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	3.000.000.000	-	1.800.000.000	-
<b>b2. Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>79.000.000.000</b>	<b>(40.488.371.419)</b>	<b>79.000.000.000</b>	<b>(40.488.371.419)</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)



	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
<b>b3. Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>18.546.000.000</b>	-	<b>18.546.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	-	16.626.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long (**)	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-

**b4. Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm**

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Có lãi	Có lãi
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Có lãi	Có lãi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Có lãi	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Có lãi	Có lãi

Handwritten signatures and stamps in red ink at the bottom right of the page.

Năm nay \_\_\_\_\_ Năm trước \_\_\_\_\_

**b4. Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm (Tiếp theo)**

*Công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và  
Tây Nguyên (\*)

Không thu thập được          Không thu thập được

(\*) Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên dựa trên báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với số tiền là 40.488.371.419 VND.

Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng bổ sung nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

(\*\*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, Công ty chưa xác định được có cần thiết phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 37 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 căn được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị nhận đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.



**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	2.803.811.513	19.813.538.120
Các khách hàng khác	35.592.879.313	19.201.546.091
	<b>38.396.690.826</b>	<b>39.015.084.211</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	5.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nghệ An	-	5.000.000.000
	<b>16.650.000.000</b>	<b>22.650.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
	<b>48.215.000.000</b>	<b>48.215.000.000</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải thu về cho vay các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 37)</b>	64.865.000.000	70.865.000.000



**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Phải thu các công ty con (i)	15.616.770.452	36.224.215.627
- Phải thu các đơn vị trong cùng Tập đoàn Mai Linh (i)	376.989.952.089	369.769.200.410
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (ii)	5.860.481.451	23.046.993.038
- Phải thu người lao động	2.086.711.054	1.151.571.209
- Tạm ứng	1.323.027.528	3.805.704.066
- Ký cược, ký quỹ	-	900.000.000
- Phải thu thuế được hoàn	-	3.481.207.326
- Phải thu khác	4.404.679.992	17.759.415.108
	<b>406.281.622.566</b>	<b>456.138.306.784</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Ký cược, ký quỹ	3.194.326.400	1.974.142.400
	<b>3.194.326.400</b>	<b>1.974.142.400</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải thu khác các bên liên quan</b> (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 37)	391.622.069.163	408.430.963.786

- (i) Số phải thu các công ty con và các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ Công ty nhờ thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa...

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập Đoàn Mai Linh với số tiền là 312.160.260.310 VND. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng nếu có cho khoản phải thu này.

- (ii) Phản ánh số tiền phải thu chủ đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến số tiền chưa thanh toán và được thu hàng tháng.





**10. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<b>Các khoản phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.445.308.556	569.759.147	21.025.699.409	150.150.000
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	569.759.147	569.759.147	150.150.000	150.150.000
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.637.024.788	1.102.878.479	10.652.024.788	1.117.878.479
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	1.102.878.479	1.102.878.479	1.117.878.479	1.117.878.479
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
Đối tượng khác	2.299.070.962	24.687.919	2.444.820.600	170.437.557
	<b>39.365.237.340</b>	<b>1.697.325.545</b>	<b>39.106.377.831</b>	<b>1.438.466.036</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	972.079.756	(139.574.137)	1.401.951.520	-
Hàng hoá	37.999.948	-	24.181.788	-
	<b>1.010.079.704</b>	<b>(139.574.137)</b>	<b>1.426.133.308</b>	-

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Bảo hiểm rủi ro tài sản		2.058.000.638		3.303.571.853
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		865.095.093		391.654.814
		<b>2.923.095.731</b>		<b>3.695.226.667</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
Chi phí thuê nhãn hiệu		16.934.848.482		20.377.272.724
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		236.000.013		481.894.041
Chi phí trả trước dài hạn khác		1.381.986.475		2.538.714.874
		<b>18.552.834.970</b>		<b>23.397.881.639</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Xe hợp tác kinh doanh VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng công VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư đầu năm	370.000.000	331.030.070	187.181.009.585	293.873.639.913	1.600.984.176	75.000.000	483.431.663.744
Mua sắm mới	-	-	36.814.232.767	-	-	-	36.814.232.767
Phần loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	13.637.399.996	15.669.007.096	-	-	29.306.407.092
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(30.503.672.581)	30.503.672.581	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(18.881.990.717)	(42.341.301.487)	-	-	(61.223.292.204)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>370.000.000</b>	<b>331.030.070</b>	<b>188.246.979.050</b>	<b>297.705.018.103</b>	<b>1.600.984.176</b>	<b>75.000.000</b>	<b>488.329.011.399</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư đầu năm	264.583.314	331.030.070	41.594.258.674	180.768.517.918	1.401.338.738	60.000.000	224.419.728.714
Trích khấu hao trong năm	25.208.357	-	31.715.699.012	43.087.167.375	181.308.166	15.000.000	75.024.382.910
Phần loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	6.077.902.952	14.273.280.568	-	-	20.351.183.520
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(15.512.228.350)	15.512.228.350	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.380.832.577)	(33.007.791.329)	-	-	(43.388.623.906)
Phần loại lại	2.291.667	-	-	-	(2.291.667)	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>292.083.338</b>	<b>331.030.070</b>	<b>53.494.799.711</b>	<b>220.633.402.882</b>	<b>1.580.355.237</b>	<b>75.000.000</b>	<b>276.406.671.238</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm	105.416.686	-	145.586.750.911	113.105.121.995	199.645.438	15.000.000	259.011.935.030
Tại ngày cuối năm	77.916.662	-	134.752.179.339	77.071.615.221	20.628.939	-	211.972.340.161

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 241.575.969.157 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 159.934.231.150 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 22.211.240.461 VND (31 tháng 12 năm 2015: 2.631.375.428 VND).



14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>32.555.964.051</b>	<b>32.555.964.051</b>
Thuê tài chính trong năm	18.718.318.175	18.718.318.175
Chuyển sang TSCĐHH	(29.306.407.092)	(29.306.407.092)
Thanh lý, nhượng bán	(3.249.556.964)	(3.249.556.964)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.718.318.170</b>	<b>18.718.318.170</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>20.747.882.919</b>	<b>20.747.882.919</b>
Trích khấu hao trong năm	3.967.526.433	3.967.526.433
Chuyển sang TSCĐHH	(20.351.183.520)	(20.351.183.520)
Thanh lý, nhượng bán	(3.085.140.720)	(3.085.140.720)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.279.085.112</b>	<b>1.279.085.112</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>11.808.081.132</b>	<b>11.808.081.132</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>17.439.233.058</b>	<b>17.439.233.058</b>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>198.313.019.200</b>	<b>198.313.019.200</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>198.313.019.200</b>	<b>198.313.019.200</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>19.831.301.941</b>	<b>19.831.301.941</b>
Khấu hao trong năm	3.966.260.388	3.966.260.388
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.797.562.329</b>	<b>23.797.562.329</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>178.481.717.259</b>	<b>178.481.717.259</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>174.515.456.871</b>	<b>174.515.456.871</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 174.515.456.871 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178.481.717.259 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 3.966.260.388 VND (năm 2015: 3.966.260.388 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**Danh mục chi tiết bất động sản đầu tư**

	Giá trị còn lại	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	56.977.904.875	58.272.857.259
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại phường An Lạc, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	117.537.551.996	120.208.860.000
	<b>174.515.456.871</b>	<b>178.481.717.259</b>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	95%	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	Dịch vụ taxi
13	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	Dịch vụ taxi
14	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	Dịch vụ taxi
17	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	Dịch vụ taxi

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2016 VND	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	79.000.000.000	Dịch vụ taxi
					<b>79.000.000.000</b>	

112  
 NG  
 NHIỆM  
 LỢI  
 T  
 149  
 NG  
 PH  
 LI  
 N B  
 V  
 A C  
 P



**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	2.345.012.900	1.264.220.200
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	-	14.854.000.000
Công ty TNHH Toyota Long Biên	-	9.110.500.000
Khác	8.520.018.886	7.738.296.362
	<b>10.865.031.786</b>	<b>32.967.016.562</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	449.999.999	449.999.999
	-	-	<b>449.999.999</b>	<b>449.999.999</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	596.174.834	60.221.115.972	53.547.034.653	7.270.256.153
- Thuế GTGT đầu ra	596.174.834	60.221.115.972	53.547.034.653	7.270.256.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.929.373.389	-	1.929.373.389	-
Các loại thuế khác	587.546.193	1.822.062.870	1.886.182.583	523.426.480
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	587.546.193	1.811.062.870	1.875.182.583	523.426.480
Thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
	<b>3.113.094.416</b>	<b>62.043.178.842</b>	<b>57.362.590.625</b>	<b>7.793.682.633</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	3.267.937.065	4.663.858.226
Trích trước chi phí tiền lương	2.819.147.842	3.169.414.662
Các khoản khác	131.598.736	287.441.794
	<b>6.218.683.643</b>	<b>8.120.714.682</b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải trả các công ty con	54.038.186.899	34.667.982.113
Phải trả Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	7.488.547.779	51.387.838.839
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	2.685.594.133	308.857.403
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	30.324.358.544	33.739.837.870
Phải trả cổ tức	8.727.665.515	22.893.646.107
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	17.944.093.070	13.768.591.342
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	259.464.593	203.471.549
Phải trả thẻ MCC	6.212.106.234	5.557.626.729
Nhà thầu cung cấp cho Công ty Cổ phần TeLin Vạn Hương	1.794.802.854	1.881.875.161
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.719.263.705	1.295.803.925
Khác	17.135.142.640	11.969.436.726
	<b>148.329.225.966</b>	<b>177.674.967.764</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	192.413.157.168	251.656.121.379
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	12.192.860.382	12.252.615.542
Đặt cọc của lái xe	10.481.648.245	10.686.544.668
	<b>215.087.665.795</b>	<b>274.595.281.589</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải trả khác các bên liên quan</b> (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 37)	65.763.070.008	92.055.820.952

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.



22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - cá nhân (i)	4.133.025.182	4.133.025.182	71.183.106.905	63.789.131.493	11.527.000.594	11.527.000.594
Vay ngắn hạn - ngân hàng (ii)	2.150.983.241	2.150.983.241	2.570.800.000	3.371.783.241	1.350.000.000	1.350.000.000
Vay ngắn hạn - Công ty con (iii)	22.580.000.000	22.580.000.000	45.438.000.000	1.000.000.000	67.018.000.000	67.018.000.000
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	64.373.106.311	64.373.106.311	52.981.769.192	74.915.844.395	42.439.031.108	42.439.031.108
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	36.693.454.850	36.693.454.850	51.602.997.362	43.969.408.212	44.327.044.000	44.327.044.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	2.479.600.008	2.479.600.008	6.245.210.659	5.783.610.667	2.941.200.000	2.941.200.000
	<b>132.410.169.592</b>	<b>132.410.169.592</b>	<b>230.021.884.118</b>	<b>192.829.778.008</b>	<b>169.602.275.702</b>	<b>169.602.275.702</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,62% đến 1,083%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,62%/tháng đến 1,34%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

(ii) Vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng 06/2016/HĐHM-PN/SB.111704 ngày 26 tháng 11 năm 2016 có thời hạn 12 tháng với tổng hạn mức là 5 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian cho vay tối đa không quá 06 tháng và được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 18 xe Kia Morning thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định theo hợp đồng thế chấp kèm theo. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.350.000.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay các đơn vị thành viên có thời hạn dưới 12 tháng hoặc không kỳ hạn, lãi suất từ 0,2% đến 0,83%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,33%/tháng đến 0,83%/tháng), không có tài sản đảm bảo.



23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND	Tăng	Giảm	Giá trị	VND
Vay dài hạn ngân hàng (i)	98.298.562.390	98.298.562.390	43.073.800.000	43.112.531.547	98.259.830.843	98.259.830.843
Vay dài hạn cá nhân (ii)	78.806.402.269	78.806.402.269	57.177.152.679	66.433.652.228	69.549.902.720	69.549.902.720
Vay dài hạn công ty con	12.438.000.000	12.438.000.000	-	12.438.000.000	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn (iii)	4.752.566.642	4.752.566.642	17.401.200.000	8.674.166.642	13.479.600.000	13.479.600.000
<b>Cộng</b>	<b>194.295.531.301</b>	<b>194.295.531.301</b>	<b>117.652.152.679</b>	<b>130.658.350.417</b>	<b>181.289.333.563</b>	<b>181.289.333.563</b>

**Trong đó:**

Số phải trả trong vòng 12 tháng	103.546.161.169	89.707.275.108
Số phải trả sau 12 tháng	90.749.370.132	91.582.058.455



(i) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (a)	15.897.733.321	22.117.733.325
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh (b)	7.755.000.000	14.895.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (c)	3.352.835.000	7.067.992.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 (d)	8.732.338.000	12.911.380.543
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (e)	54.553.124.522	41.306.456.522
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (f)	6.748.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội (g)	1.220.800.000	-
	<b>98.259.830.843</b>	<b>98.298.562.390</b>

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

(a) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 02/2015/231/HĐTD ngày 29 tháng 9 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 27.000.000.000 VND để đầu tư 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 16.999.229.302 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 20.566.588.033 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 10.544.500.000 VND và chịu lãi suất 10,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 14.144.500.000 VND và 10%).
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2015/231/HĐTD ngày 11 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND để đầu tư 20 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 20 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.733.818.187 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.921.591.911 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 2.830.000.000 VND và chịu lãi suất 10,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.930.000.000 VND và 11%).



- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTDTH ngày 15 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Nissan Sunny hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.068.731.718 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.791.188.330 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 2.260.000.000 VND và chịu lãi suất 11,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.580.000.000 VND và 11%).
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2013/HĐTDTH ngày 06 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 04 năm với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 01 xe Camry hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 646.783.637 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 863.165.383 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 263.233.321 VND và chịu lãi suất 11,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 463.233.325 VND và 11%).
- (b) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh theo Hợp đồng 001511/HĐTDTHDH/DN ngày 28 tháng 01 năm 2011 có thời hạn 84 tháng với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 29 tháng 01 năm 2011 đến ngày 28 tháng 01 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 174.515.456.871 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178.481.717.259 VND) để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 15). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 7.755.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 14.895.000.000 VND và 11%).
- (c) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201600031 ngày 18 tháng 01 năm 2016 có thời hạn 43 tháng với tổng hạn mức là 632.800.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Ford Transit. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng, thời gian ân hạn 01 tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Ford Transit hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 699.915.152 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 482.130.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm.
  - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201301132 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 2.478.000.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Mercedes S400. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3,5% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Mercedes S400 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.217.967.273 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.508.000.000 VND và 11%).

01/01/2017  
TRÁCH  
D  
V  
08/01/2017  
01/01/2017  
C  
C  
M  
M  
01/01/2017



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.974.000.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.478.000.000 VND và 9,5%).

- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300669 ngày 10 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 43 tháng với tổng hạn mức là 871.500.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Hyundai 29 chỗ. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe Hyundai 29 chỗ hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 951.882.671 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.096.546.668 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 567.495.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 810.699.000 VND và 10%).
  - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300600 ngày 20 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 1.289.400.000 VND để đầu tư 02 xe ô tô Ford. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần kể từ ngày giải ngân đến ngày 20 tháng 12 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 02 xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 947.792.727 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.263.146.857 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 329.210.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 603.550.000 VND và 11%).
- (d) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng số 01/2014/231/HĐTĐTH ngày 10 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 16.905.000.000 VND để đầu tư 70 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 16 kỳ vào ngày 25 của tháng 3,6,9,12 hàng năm, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 70 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 16.109.775.017 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 20.185.242.622 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 8.732.338.000 VND và chịu lãi suất 10,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.911.380.543 VND và 10%).
- (e) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/13148 ngày 19 tháng 11 năm 2013 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 12.500.000.000 VND để đầu tư 25 xe Toyota Innova. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.698.686.667 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 11.583.780.391 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 4.148.000.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.022.000.000 VND và 9,5%).



- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/13156 ngày 10 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 12.620.000.000 VND để đầu tư 50 xe ô tô Kia. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.622.752.730 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 11.735.598.672 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.078.000.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.308.000.000 VND và 9,7%).
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14111 ngày 30 tháng 6 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 5.175.000.000 VND để đầu tư 20 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.087.849.247 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.272.095.642 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.965.000.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.249.000.000 VND và 9,7%).
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14119 và các phụ lục từ ngày 25 tháng 7 năm 2014 có thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với tổng hạn mức là 20.000.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.298.160.624 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 22.043.838.551 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 8.396.956.522 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 13.676.956.522 VND và 9,7%).
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/15156 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 63.413.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Toyota Vios, 50 xe ô tô Toyota Innova, 50 xe ô tô Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 56.904.224.986 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 37.991.139.679 VND) (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 36.965.168.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 11.140.500.000 VND và 9,8%).
- (f) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng 20.06.16/HĐTD/NHN ngày 29 tháng 6 năm 2016 có thời hạn giải ngân 6 tháng kể từ ngày hợp đồng với tổng hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua xe ô tô kinh doanh, phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn kế ước nhận nợ là 54 tháng đối với xe Hyundai Grand i10, Toyota Vios, Nissan Sunny, Toyota Innova và thời hạn kế ước 48 tháng đối với xe Kia Morning với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.132.318.178 VND. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Tiên Phong và được trả lãi hàng tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 6.748.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.

125  
V  
H  
O  
T  
A  
19  
G  
H  
L  
B



- (g) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng 08/2016/HĐTDTDH-TC/SHB.111704 ngày 26 tháng 12 năm 2016 có thời hạn 48 tháng để thanh toán tiền mua 02 xe ô tô Ford Transit 16 chỗ. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.621.094.546 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.220.800.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm.

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>		
Trong vòng một năm	44.327.044.000	36.693.454.850
Trong năm thứ hai	29.164.027.835	34.907.295.937
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	24.768.759.008	26.697.811.603
	<b>98.259.830.843</b>	<b>98.298.562.390</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 22)	44.327.044.000	36.693.454.850
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>53.932.786.843</b>	<b>61.605.107.540</b>

- (ii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 13 đến 24 tháng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lãi suất từ 0,7%/tháng đến 0,84%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,62%/tháng đến 1,34%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn cá nhân được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Nợ dài hạn khác</b>		
Trong vòng một năm	42.439.031.108	64.373.106.311
Trong năm thứ hai	27.110.871.612	14.433.295.958
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	12.438.000.000
	<b>69.549.902.720</b>	<b>91.244.402.269</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 22)	42.439.031.108	64.373.106.311
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>27.110.871.612</b>	<b>26.871.295.958</b>

- (iii) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Nợ dài hạn thuê tài chính</b>		
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	13.479.600.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	4.752.566.642
	<b>13.479.600.000</b>	<b>4.752.566.642</b>

- (a) Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.035/2016/TSC-CTTC từ ngày 24 tháng 6 năm 2016 đến ngày 24 tháng 6 năm 2021 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 20.265.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 13.479.600.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</b>	
	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Trong vòng một năm	2.941.200.000	2.479.600.008
Trong năm thứ hai	2.941.200.000	2.272.966.634
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.597.200.000	-
	<b>13.479.600.000</b>	<b>4.752.566.642</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 22)	2.941.200.000	2.479.600.008
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>10.538.400.000</b>	<b>2.272.966.634</b>

Y/C  
HẠM  
FE  
M  
H  
C.T.C  
A NÓ



CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>486.253.320.000</b>	<b>(12.600.000.000)</b>	<b>23.214.045.652</b>	<b>39.705.277.866</b>	<b>536.572.643.518</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	32.858.829.399	32.858.829.399
Hoàn nhập cổ tức cổ phiếu quỹ	-	-	-	630.000.000	630.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.642.903.000)	(3.642.903.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
Giảm khác	-	-	-	(632.294.778)	(632.294.778)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>486.253.320.000</b>	<b>(12.600.000.000)</b>	<b>28.214.045.652</b>	<b>40.236.243.487</b>	<b>542.103.609.139</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.341.262.012	23.341.262.012
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.619.700.000)	(1.619.700.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>486.253.320.000</b>	<b>(12.600.000.000)</b>	<b>28.214.045.652</b>	<b>38.275.139.499</b>	<b>540.142.505.151</b>

- (i) Trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 06 tháng 6 năm 2016 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	48.625.332	48.625.332
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.260.000	1.260.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	47.365.332	47.365.332

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ngoại tệ các loại		
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	<i>100</i>	<i>16.378</i>
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nợ khó đòi đã xử lý (i)	211.850.533	211.850.533
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất</i> <i>Nhôm Yeh Young Việt Nam</i>	<i>112.077.820</i>	<i>112.077.820</i>
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh</i>	<i>69.511.470</i>	<i>69.511.470</i>
<i>Ông Tô Thường</i>	<i>29.712.000</i>	<i>29.712.000</i>
<i>Ông Võ Tuấn Dũng</i>	<i>549.243</i>	<i>549.243</i>
	<b>211.850.533</b>	<b>211.850.533</b>

- (i) Các khoản nợ khó đòi đã xử lý theo phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc do các đối tượng nêu trên không có thông tin liên lạc.



**26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	304.541.755.928	267.869.689.650
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	8.328.394.755	8.182.260.181
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	3.078.997.606	4.574.655.814
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	49.824.373.781	148.583.245.376
Doanh thu cho thuê tài sản	2.660.627.198	12.653.158.510
Doanh thu dịch vụ khác	28.301.885.432	33.013.518.086
	<b>396.736.034.700</b>	<b>474.876.527.617</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan</b> (Giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 37)	263.340.283.531	339.366.948.285

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí dịch vụ taxi	285.140.854.509	249.344.147.699
Chi phí dịch vụ xe cho thuê	8.486.884.405	8.311.535.758
Chi phí dịch vụ sửa chữa	1.344.637.831	2.416.051.731
Chi phí nhượng bán tài sản, vật tư	48.059.831.531	143.502.218.767
Chi phí cho thuê tài sản	1.050.283.645	6.837.066.569
Chi phí dịch vụ khác	10.843.673.058	14.555.045.606
	<b>354.926.164.979</b>	<b>424.966.066.130</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.938.081.294	77.292.855.077
Chi phí nhân công	152.094.137.317	126.166.666.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.991.909.343	70.609.372.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.075.487.800	36.213.538.256
Chi phí khác bằng tiền	14.437.166.105	10.305.508.238
Chi phí dự phòng	139.562.275	2.131.326.052
	<b>349.676.344.134</b>	<b>322.719.266.629</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.065.798.983	8.440.500.216
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.146.147.000	22.248.834.962
Khác	62.896.936	14.757.013.000
	<b>33.274.842.919</b>	<b>45.446.348.178</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	23.736.824.405	22.855.762.810
Lãi thuê tài chính	894.635.597	1.266.078.360
	<b>24.631.460.002</b>	<b>24.121.841.170</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí nhãn hiệu (i)	3.446.694.242	3.443.924.242
Chi phí nhân công	2.914.852.732	2.081.983.940
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.354.328.824	569.335.525
Chi phí khác	244.059.758	1.734.873.966
	<b>7.959.935.556</b>	<b>7.830.117.673</b>

(i) Chi phí nhãn hiệu phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	22.037.325.409	20.972.607.577
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	4.045.210.934	3.690.814.841
Dự phòng nợ thu khó đòi	-	2.131.326.052
Chi phí khác	8.767.538.787	6.630.553.123
	<b>34.850.075.130</b>	<b>33.425.301.593</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.108.893.744	8.747.936.069
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	28.107.978.286	53.942.680.382
- Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17.999.084.542	45.194.744.313
Các khoản khác	12.151.511.673	7.950.301.725
	<b>22.260.405.417</b>	<b>16.698.237.794</b>



**34. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khấu hao bất động sản đầu tư	3.966.260.388	3.966.260.388
Chi phí khác	2.596.124.969	3.036.495.490
	<b>6.562.385.357</b>	<b>7.002.755.878</b>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại	-	2.179.373.388
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.179.373.388</b>
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>23.341.262.012</b>	<b>39.675.031.145</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(27.146.147.000)</i>	<i>(22.248.834.962)</i>
<i>Trừ: Thu nhập thanh lý công ty con đã quyết toán thuế năm trước</i>	<i>-</i>	<i>(10.535.000.000)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>2.731.116.397</i>	<i>3.015.046.490</i>
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>(1.073.768.591)</b>	<b>9.906.242.673</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>22%</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại</b>	<b>-</b>	<b>2.179.373.388</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lỗ tính thuế có thể được mang sang để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo, tối đa là 05 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ. Tổng lỗ thực tế có thể mang sang phụ thuộc vào kết quả kiểm tra thuế cho các năm sau được tính như sau:

<b>Năm</b>	<b>Tình trạng quyết toán thuế</b>	<b>Lỗ chịu thuế</b>	<b>Lỗ đã sử dụng</b>	<b>Lỗ hết hạn</b>	<b>Lỗ mang sang</b>	<b>Năm hết hạn</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
2016	Chưa quyết toán	1.073.768.591	-	-	-	2021
		<b>1.073.768.591</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong báo cáo tài chính năm 2016 vì khả năng Công ty có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗ tính thuế trên là không chắc chắn.

**36. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần với một cá nhân. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này. Công ty đã nhận được Thông báo số 114/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án liên quan đến tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Sự kiện này hình thành khoản công nợ tiềm tàng về khoản phạt đối với Công ty. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ một khoản công nợ phải trả nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

12  
 NG  
 HIỆN  
 .O  
 T  
 A  
 49  
 G  
 H  
 LI  
 B  
 F

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

***Các công ty con***

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Công ty con
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	Công ty con
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Công ty con

***Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh***

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Deluxe Taxi	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Cùng tập đoàn

***Khác***

Ông Hồ Huy	Cổ đông
Ông Hồ Chương	Cổ đông
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)	Cùng chủ sở hữu

50C  
T  
H  
IT  
NA  
TR  
323  
CY  
VN  
VH  
AC  
P.V



**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>391.622.069.163</b>	<b>408.430.963.786</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	312.160.260.310	306.377.084.631
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	24.276.220.243	23.784.820.243
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.445.308.556	21.187.108.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.637.024.788	10.652.024.788
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	8.713.022.939	5.687.246.126
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	4.983.833.034
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	2.902.196.612	3.775.135.398
Công ty Cổ Phần Mai Linh Hạ Long	1.311.568.142	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.102.016.129	1.138.016.129
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	1.096.724.362	5.053.795.341
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	800.890.739	827.138.972
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	793.035.651	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	792.367.658	4.951.726.955
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy Ông Hồ Huy	607.600.000	-
	-	4.083.860.778
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	-	1.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	-	3.622.667.818
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	-	5.325.007.843
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	-	1.440.899.517
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	-	4.040.597.657
<b>Cho vay ngắn hạn</b>	<b>16.650.000.000</b>	<b>22.650.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	5.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	-	5.000.000.000
<b>Cho vay dài hạn</b>	<b>48.215.000.000</b>	<b>48.215.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>63.763.070.008</b>	<b>86.055.820.952</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	15.706.318.489	17.488.752.504
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	15.391.146.216	3.785.883.393
Công ty Cổ Phần Mai Linh Đông Đô	7.488.547.779	51.387.838.839
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	6.708.859.471	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	6.053.075.273	4.154.237.572
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	3.358.884.890	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	2.930.705.893	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	2.427.272.730	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	1.795.400.123	2.819.748.954
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	922.237.489	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	873.043.184	1.392.643.161
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	107.578.471	3.016.738.151
Công ty Cổ Phần Mai Linh Hạ Long	-	2.009.978.378
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	-	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	-	4.000.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>18.546.000.000</b>	<b>18.546.000.000</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	16.626.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000

Y  
C  
H  
H  
A  
I  
T  
E  
M  
H  
A  
A  
N



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>67.018.000.000</b>	<b>22.580.000.000</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	8.080.000.000	6.080.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	12.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	6.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	6.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	12.438.000.000	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>12.438.000.000</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	-	12.438.000.000

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>263.340.283.531</b>	<b>339.366.948.285</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	176.256.816.409	208.328.376.208
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	18.904.601.763	24.981.077.521
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	14.736.719.758	24.743.339.437
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	13.075.014.743	7.669.227.205
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	6.224.701.519	4.884.554.077
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	5.206.010.917	28.520.750.591
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	4.646.626.218	4.763.275.700
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	4.160.652.773	5.015.190.157
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	2.704.756.205	2.682.450.455
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	2.560.168.214	3.552.102.795
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	2.552.667.551	3.398.737.841
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	2.020.468.912	2.388.568.093
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	1.918.873.333	1.222.998.995
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.901.665.649	1.906.836.473
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	1.842.174.903	6.986.792.733
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	1.371.602.891	1.924.225.666
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	1.283.939.153	1.282.363.351
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	1.005.157.137	3.441.313.715
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	967.665.483	1.020.358.668
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	-	654.408.604
<b>Mua hàng và dịch vụ cung cấp</b>	<b>20.175.105.536</b>	<b>21.271.626.933</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	14.212.195.965	16.991.669.827
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	2.970.154.403	3.761.903.249
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	1.820.236.670	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	949.760.992	86.874.020
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	222.757.506	431.179.837
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>4.133.880.000</b>	<b>2.441.666.000</b>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	905.800.000	517.800.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	766.368.000	387.112.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	512.000.000	244.566.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	501.200.000	310.200.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	482.400.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	298.512.000	298.512.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	268.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	238.800.000	234.466.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	160.800.000	224.910.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	-	224.100.000



	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>30.997.211.372</b>	<b>26.512.030.032</b>
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	6.366.304.000	1.293.300.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	4.197.275.000	3.836.100.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	2.699.143.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	2.544.555.000	-
Công ty Cổ Phần Mai Linh Hạ Long	2.328.726.000	1.717.366.666
Công ty Cổ Phần Mai Linh Thủ Đức	2.153.614.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	2.125.911.039	2.810.995.070
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.687.735.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	1.563.117.000	4.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	1.255.787.000	555.200.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	1.146.732.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	673.681.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	618.207.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	491.400.000	491.400.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	368.994.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	252.000.000	240.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	229.333.333	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	182.501.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	87.296.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hồ Huy	24.900.000	298.800.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	568.868.296

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4.416.728.794	4.263.920.741
	<b>4.416.728.794</b>	<b>4.263.920.741</b>

**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm không bao gồm 19.292.291.487 VND (năm 2015: 7.953.466.666 VND), là số cổ tức, lợi nhuận đã được bù trừ công nợ trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 27.884.589.000 VND, là số cổ tức đã được bù trừ công nợ trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.857.629.668 VND (năm 2015: 24.597.300.000 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 13 tháng 3 năm 2017, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận việc lưu ký 48.625.332 cổ phiếu (Bốn mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi hai cổ phiếu) của cổ đông hiện hữu với mã chứng khoán là MLN.



**Nguyễn Văn Nga**  
**Người lập biểu**



**Vũ Hoài Đức**  
**Phó Tổng Giám đốc/  
Kế toán trưởng**



**Hồ Quốc Phi**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

